

Giá trị văn hóa và văn học của loại văn du ký (Khảo sát qua sách *Du ký Việt Nam*)

Nguyễn Thủy Hằng*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 29 tháng 4 năm 2009

Tóm tắt. Du ký là thể loại văn học mang lại cảm hứng cho người đọc về phong vị khám phá những vùng đất lạ, cảm xúc về những lộ trình mới, hình ảnh về những chuyến đi đặc biệt... Đầu thế kỷ XX, có một tập hợp tác phẩm viết về du ký được quy chuẩn thành một mục riêng, mục *du ký*, đó là 62 tác phẩm được in đầu lần trong 210 số báo kéo dài suốt 17 năm tồn tại của *Nam phong tạp chí*. Hệ thống du ký này là cả một thế giới nghệ thuật phong phú mang màu sắc văn hóa Việt khá đậm nét.

Trong bài viết chúng tôi tiến hành khảo sát các tác phẩm trong *Du ký Việt Nam* trên ba phương diện: *tác giả, bối cảnh văn hoá xã hội - lịch sử và đề tài* để tìm ra những giá trị văn hoá và văn học của thể loại này. 36 tác giả của những tác phẩm trong *Du ký Việt Nam*, dù nhiều người xuất thân là các nhà Nho nhưng hầu hết họ đều là những trí thức Tây học; họ tiếp xúc với nền văn minh phương Tây nên có kiến thức mới, cách viết mới, quan điểm mới so với mặt bằng chung của xã hội lúc bấy giờ và có quan điểm gần với con người hiện đại. Trong bối cảnh xã hội có nhiều biến động, nhiều luồng tư tưởng mới tràn vào Việt Nam, giao thông phát triển giúp mở rộng địa lý du lịch, tạo cơ hội cho việc đi lại, dẫn đến các đề tài du ký được mở rộng trên nhiều phương diện như: lịch sử, tôn giáo, nghi lễ văn hoá, truyền thuyết, phong tục tập quán, ẩm thực...

Không chỉ trong một số tác phẩm tiêu biểu, mà hầu hết các tác phẩm trong *Du ký Việt Nam* đều là những trang viết dưới góc nhìn văn hoá thể hiện tình yêu tổ quốc, dù là phê phán hay ca ngợi cũng đều hướng đến mong muốn xây dựng một nước Việt phồn vinh. Chính từ mong muốn tha thiết bảo tồn các di sản văn hoá dân tộc, muốn xây dựng một hệ thống ngôn ngữ tiếng Việt giàu và đẹp, các tác giả của *Du ký Việt Nam*, qua các tác phẩm của mình, đã làm nên giá trị văn hoá và văn học của thể du ký.

Du ký là thể loại văn học mang lại cảm hứng cho người đọc về phong vị khám phá những vùng đất lạ, cảm xúc về những lộ trình mới, hình ảnh về những chuyến đi đặc biệt... Từ những thế kỷ trước, các tác phẩm du ký trên thế giới ra đời từ những cuộc hành hương tôn giáo, từ những chuyến buôn bán giao thương

*ĐT: 84-983653771.
E-mail: hangthu98@yahoo.com

xuân lục địa, là bút ký của những nhà ngoại giao với những chuyến công cán ra nước ngoài, những chuyến thám hiểm địa lý, lịch sử, sinh vật... Ở phương Tây, từ thế kỷ XVI, khi giao thông còn chưa thuận lợi, những tác phẩm du ký luôn được công chúng yêu mến và đón nhận đề thoả mãn hiểu biết về những vùng đất xa lạ với bao điều kỳ thú, những nơi họ khao khát được đặt chân tới. Văn học du ký xuất hiện khá sớm trong văn học Việt Nam. Thơ đi sứ trong

văn học trung đại có thể coi là những tác phẩm du ký đầu tiên và tiêu biểu; những bài thơ tả phong cảnh của Hồ Xuân Hương, của Bà huyện Thanh Quan,... đều ra đời ghi lại dấu ấn những nơi họ đã đặt chân đến. Từ thế kỷ XVIII, ở Việt Nam đã có những tác phẩm du ký nổi tiếng như *Thương kinh ký sự* của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, *Vũ trung tùy bút*, *Tang thương ngẫu lục* của Phạm Đình Hổ, Nguyễn Ân... Đầu thế kỷ XX, có một tập hợp các tác phẩm viết về du ký được quy chuẩn thành một mục riêng, mục *du ký*, đó là 62 tác phẩm được in đầu dẫn trong 210 số báo kéo dài suốt 17 năm tồn tại của *Nam phong tạp chí*. Gần đây, Nguyễn Hữu Sơn đã tập hợp tất cả các tác phẩm viết về du ký trong *Nam phong tạp chí* và in thành tuyển tập *Du ký Việt Nam*. Bộ sách gồm 3 tập với gần 2000 trang sách là cả một thế giới nghệ thuật phong phú mang màu sắc văn hóa Việt khá đậm nét.

Trong bài viết này chúng tôi tiến hành khảo sát các tác phẩm trong *Du ký Việt Nam* trên ba phương diện: *tác giả*, *bối cảnh văn hoá xã hội - lịch sử* và *đề tài* đề tìm ra những giá trị văn hoá và văn học của thể loại du ký.

1. Tác giả của *Du ký Việt Nam*

Đầu thế kỷ XX, ở Việt Nam, sự giao lưu văn hoá Đông Tây diễn ra mạnh mẽ, các nhà Nho trí thức có điều kiện tiếp xúc với văn minh phương Tây nên họ đã tiếp thu được những kiến thức mới, những luồng tư tưởng mới dẫn đến họ có những quan điểm mới, cách viết mới và có cái nhìn gần gũi với con người hiện đại. 36 tác giả trong *Du ký Việt Nam* hầu hết đều là những trí thức Tây học, tiêu biểu như: Phạm Quỳnh, Nguyễn Bá Trác, Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục, Trần Trọng Kim, Đông Hồ, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Tiến Lãng, Mai Khê, Mộng Tuyết, Đặng Xuân Viên...

Nghiên cứu *Du ký Việt Nam*, chúng ta không thể không chú ý đặc biệt đến Phạm Quỳnh, nhà văn hoá, học giả nổi tiếng những năm đầu thế kỷ XX. Ông khởi xướng phong

trào viết du ký và cũng là một cây bút chủ lực cho mục này. Ông là một nhà Nho sống trong thời buổi duy tân, bản thân thông thạo cả chữ Hán và tiếng Pháp nên cái nhìn xã hội của ông khá cởi mở và đa diện. Ông có xu hướng cho những điều mà theo ông là văn minh nhưng vẫn muốn giữ cái hồn dân tộc, cái nền nếp đạo đức của cha ông. Phạm Quỳnh đi nhiều, biết nhiều, ông luôn khâm phục những tiên bộ của văn minh phương Tây và mong muốn truyền bá những điều tốt đẹp ấy cho nhân dân mình. Mong muốn này của ông được thể hiện khá rõ trong các tác phẩm du ký mà ông viết như: *Pháp du hành trình nhai ký*, *Một tháng ở Nam Kỳ*, *Chơi Lăng Sơn*, *Cao Bằng*, *Mười ngày ở Huế*, *Thuật chuyên du lịch ở Paris*, *Du lịch xứ Lào*,... Nhà văn học sử Phạm Thế Ngũ, người nghiên cứu về Phạm Quỳnh đã viết: “Hai mặt hoàn toàn trái ngược nhau, cùng tồn tại trong một con người, đã góp phần làm nên cái diện mạo tinh thần, tư tưởng, lối hành xử cũng như nhân quan văn hóa của Phạm Quỳnh. Có thể xem Phạm Quỳnh như một người dung hòa những đối cực: cũ và mới, truyền thống và hiện đại, bảo thủ và cách tân. Trần Trọng, giữ gìn những tinh hoa ngàn đời của dân tộc (mà ông gọi là quốc túy, quốc văn), nhưng cũng biết chắt lọc những giá trị văn minh Tây phương để bồi đắp, hiện đại hóa nền văn hóa nước nhà. Khát vọng đó, ông bộc lộ nhiệt thành trong những tiểu luận, những bài diễn thuyết, những trang dịch thuật, du kí...”, và: “Phạm Quỳnh còn mở đường cho một loại văn sau này thành một thời ấy, là loại du kí”.

Trần Trọng Kim là một học giả danh tiếng, nhà giáo, dịch, nhà biên khảo văn học và sử học Việt Nam, tác giả của *Việt Nam sử lược*, ông cũng là người thay chương trình học bằng tiếng Pháp sang chương trình học bằng tiếng Việt. Trần Trọng Kim được đánh giá là một học giả uyên thâm cả tân học và cựu học, là người tận tụy cho ngành giáo dục Việt Nam đầu thế kỷ 20. *Sự du lịch đất Hải Ninh* là tác phẩm ông viết cho *Nam Phong tạp chí*, đến nay vẫn còn nguyên tính thời sự. Ông đưa vào tác phẩm những tư tưởng rất hiện đại như “sự tự do, bình đẳng”, ông cũng không ngại chỉ ra những hủ tục

của người dân vùng biên giới, những thói xấu của người Việt là tính hay bắt chước...., ông đề cập đến những vấn đề hết sức đời thường và chỉ ra những đúng sai một cách khách quan. Đây là cách viết khá mới mẻ đối với các nhà Nho.

Nguyễn Bá Trắc hiệu Tiều Đâu, ông đỗ Cử nhân năm 1906. Hưởng ứng phong trào Duy tân, Đông du, ông sang Nhật Bản du học. Đến năm 1917 làm chủ bút phần chữ Hán cho tạp chí *Nam Phong*. Ông là một dịch giả Hán văn xuất sắc. Bản dịch *Hồ Trường* (dịch văn của Nguyễn quân - Trung Quốc) là một danh tác dịch của lịch sử dịch thuật Việt Nam. Ông viết rất nhiều thể loại, trong đó có *Hàn mạn du ký*. *Hàn mạn du ký* của Nguyễn Bá Trắc [1] không chỉ nói đến việc đi lại mà tác giả còn gửi gắm vào đó biết bao tâm sự, những điều mắt thấy tai nghe, đầy ắp các sự kiện lịch sử của các vùng đất - và chắc chắn là rất đáng nói đến, vì tác giả đã tự thú nhận đây là những "chép nhặt một vài, còn những chuyện chi chi không rõ, mà nó đến. Xin bạn đọc cái du ký này để biết ý tác giả là như thế". *Hàn mạn du ký* đi qua nhiều nước châu Á như: Thái Lan (Xiêm La), Nhật Bản, Trung Hoa với Ba Thục miền Tây, U Yển đất Bắc, Quế Việt cõi Nam...; nhiều vùng trong nước, tác giả đi từ Nam (tháng 1/1908) ra Bắc, đến Nam Định, Hà Nam, Quy Nhơn, Phú Yên, quay về Nam Kỳ, lại đến Xuân Đài, qua Mỹ Tho (1909), quay về Bến Tre. Qua hành trình kéo dài hơn một năm với những điều tai nghe mắt thấy của tác giả khắp trong và ngoài nước, chúng ta có thể hiểu biết rất nhiều về văn hoá nhiều vùng đất, sự so sánh mà tác giả gửi gắm vào tác phẩm. Nguyễn Bá Trắc không chỉ ghi chép lại "những điều trông thấy" trên đường đi mà quá trình tìm hiểu văn hoá vùng miền cũng được ông mô tả khá kỹ trong thiên du ký này. Ông mô tả tính chất và phong tục của người Thượng Hải, Quảng Đông, Quảng Tây (Quế Lâm), Bắc Kinh, Nam Kinh, Tứ Xuyên... của Trung Quốc, cách ăn, mặc, cách họ buôn bán, các hội hè, lễ tế, lễ tang, lễ hôn... với bao điều lạ lẫm, kỳ thú; việc học hành, thi cử thời Mãn Thanh cũng được nhắc đến từ trình độ giáo dục đến các phép khảo thí; vị trí, cương giới, bờ bệ,

khí hậu, địa hình, giống người, sản vật, chính giáo... của người Trung Quốc cũng được phác hoạ sơ lược. Nếu Hồng Kông được xây dựng và phát triển dưới sự cai quản của thực dân Anh thì Thượng Hải lại được kiến thiết, mở mang và phát triển bởi thực dân Pháp. Lịch sử đất nước Triều Tiên được mô tả khá kỹ về các mặt: địa giới, hải giới, núi sông, địa hạt, lịch sử,... nhân khi kẻ lại câu chuyện về một người Triều Tiên. Điều thú vị trong *Hàn mạn du ký* là tác giả đã rất chú ý mô tả lễ tục ở các nước, những điểm khác nhau của những lễ tục giống nhau. Ta có thể tìm hiểu hôn lễ, các lễ tế, cách an táng người chết ở Nhật khác Triều Tiên hay Trung Quốc như thế nào? Một số đặc trưng văn hoá con người của từng đất nước hiện lên khá rõ nét như: nền giáo dục, thể chế chính trị, cách ăn mặc, giao tiếp, tính cần kiệm, lòng trung thành ái quốc của người Nhật; đạo Phật phát triển như thế nào ở Thái Lan... Nguyễn Bá Trắc đã xây dựng một quần thể văn hoá đầy ắp kiến thức lịch sử, xã hội của Châu Á qua *Hàn mạn du ký*.

Nguyễn Đôn Phục cũng vốn là một nhà Nho, đỗ Tú tài năm 1906. Ông viết khá nhiều cho *Nam phong tạp chí*, nhưng đều là những địa danh gần quê ông, xa nhất là Sài Gòn. Các tác phẩm: *Cuộc xem cổ tích miền Đông Bắc tỉnh Hải Dương*, *Du tư trăm sơn ký*, *Cuộc đi quan phong làng Thương Cát*, *Bài ký chơi Cổ Loa...* được ông thể hiện bằng ngòi bút hiện đại, cách viết chi tiết, tỉ mỉ của một du khách quan sát kỹ lưỡng từng chi tiết nhỏ trong chuyến đi. Ông cũng truyền vào tác phẩm của mình những khát khao khám phá, ông tự coi mình là "ếch ngồi đáy giếng", và mong muốn được đi thật nhiều, được thường làm nhiều cảnh đẹp của quê hương đất nước.

Ngay khi còn ở trường Bưởi, Nguyễn Tiên Lãng đã nổi tiếng xuất sắc về văn chương, những bài luận văn của ông từng được toàn quyền Robin đọc. Robin cảm mến tài nghệ người học trò nghèo nên cố gắng giúp đỡ cấp học bổng vào lycée Albert Sarraut. Trong lớp thanh niên Tây học đầu thế kỷ XX, Nguyễn Tiên Lãng nổi tiếng trẻ tuổi tài cao. Ở tuổi 13

(1922), đã cộng tác với tạp chí Hữu Thanh của Ngô Đức Kế, phụ trách phiên dịch các bản văn Pháp ra tiếng Việt và viết những bài khảo cứu dựa theo tài liệu tiếng Pháp, dưới bút hiệu Nguyễn Đào Sinh. Nguyễn Tiên Lãng viết nhiều thể loại: dịch thuật, truyện ngắn, cổ tích, phê bình, biên khảo... nhưng chính ông cũng nhận thấy rằng "*những sáng tác bằng Pháp văn của tôi đã làm lu mờ các sáng tác bằng Việt văn*". Thật vậy, phần Việt văn ngày nay xem lại văn phong đã có những nét lỗi thời, trong khi những sáng tác tiếng Pháp vẫn giữ nguyên chất thơ trong sáng, tính hiện đại và thành thực. Lucien Thollier trong *Lời phi lộ* cuốn *La colline des Abricottiers* - *Mai Linh* cho rằng: dịch giả đã hội tụ được cả âm điệu lẫn hình ảnh trong thơ *Hoa Tiên*, chuyên chở những tình cảm cao thượng lẫn tiết tháo của tâm hồn Việt trong bản dịch tiếng Pháp và làm nổi bật thi tài Nguyễn Tiên Lãng. Bài tham luận *Marriage de la plume et du pinceau* - *Kết hợp bút văn và bút vẽ* đọc tại Đại học Đông Dương, Hà Nội năm 1936 (được cử tọa Pháp thời ấy coi như một áng văn trác tuyệt), Nguyễn Tiên Lãng đã nói lên quan điểm văn học và tư tưởng của mình: "Dùng nghề thuật thi ca của một nhà thơ phương Tây giao hòa với nghề thuật hội họa của một hiền triết phương Đông để họa nên những bức tranh tư tưởng mà Đông Tây hòa hợp, An Nam mở ngõ trái tim mình, chờ đón những nhíp đập đồng điệu từ những chân trời khác..." (bài tựa cuốn *Mai Linh*) Đúng như lời tựa thiết tha trên đây, tập truyện là cuộc hành hương tinh thần trở về cố quốc. Nguyễn Tiên Lãng là một trong những người đã tìm cách bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong chiều sâu xa nhất. Đọc tác phẩm của ông, độc giả dù ngoại quốc hay người Việt, sẽ thấy chính xác đâu là bản sắc của người Việt, và bản sắc ấy có những nét khác với những dân tộc khác như thế nào. Với những ảnh hưởng đạo đức Khổng Mạnh, kèm những phân tích khoa học và lối hành văn thơ mộng của một nhà văn Pháp, Nguyễn Tiên Lãng đã thật sự giao hòa Đông Tây trong văn phong và tư tưởng.

Nguyễn Trọng Thuật nguyên là nhà giáo, cộng tác viên của tạp chí *Nam Phong*. Ông còn soạn cuốn *Việt văn tinh nghĩa* bàn về nguồn gốc ngữ pháp, cách cải tiến tiếng Việt, sách viết còn sơ sai, nhưng là bước đầu có gắng chuẩn hoá tiếng Việt. Trên tạp chí *Nam Phong*, ông viết một loạt bài về danh nhân tình nhà như *Danh nhân Hai Dương* và giới thiệu tập *Thương kinh ký sự* của Lê Hữu Trác. Trong sáng tác cũng như trong nghiên cứu, Nguyễn Trọng Thuật luôn thể hiện rõ tinh thần dân tộc của mình.

Đông Hồ, Mai Khê, Mộng Tuyết, Đặng Xuân Viên... cũng như các tác giả khác trong *Nam Phong* tạp chí cũng luôn đưa ra những quan điểm mới thể hiện qua cách viết mới. Các tác giả này có quá trình tiếp cận với văn minh phương Tây nên họ không tránh khỏi sức quyn rũ của nền văn minh ấy, họ đã bị hiện đại hoá, bị "Âu hoá" tương đối toàn diện. Những kiến thức họ thu nhận được trong quá trình tiếp cận với nền văn minh là những kiến thức hoàn toàn mới so với xã hội phong kiến của Việt Nam. Thế giới văn minh như một chân trời mới có sức cuốn hút đặc biệt với những trí thức mới, họ khao khát và bằng mọi cách để đi, để khám phá, để hiểu biết và để viết. Từ sự hiểu biết về ngôn ngữ, các trí thức trẻ có sự tiếp cận trực tiếp với các tác phẩm văn học của nền văn minh phương Tây. Họ có những quan điểm mới, có cách viết mới so với cách viết của các nhà Nho trước đây là điều hoàn toàn dễ hiểu. Các tác giả của *Du ký Việt Nam* đều là những trí thức trẻ đứng trước vận hội mới của đất nước, họ đều viết du ký với tư cách là những nhà văn hóa. Chính vì vậy, các trang du ký không chỉ là sự mô tả những cái đẹp của cảnh vật, mà là những thức nhận, suy ngẫm, rồi bình luận. Đi kèm với những bình luận đó còn đầy ắp những kiến thức văn hoá phong phú về nhiều phương diện của văn hoá. Mỗi bình luận lại có những cơ sở lý luận khoa học cụ thể. Mỗi tác phẩm trong *Du ký Việt Nam* là những chuyến đi, mỗi chuyến đi tới một miền đất, đồng thời với hành trình trải nghiệm của bản thân là công việc khám phá phong thổ và những nét văn hóa đặc sắc của vùng đất ấy.

2. Bối cảnh văn hóa - xã hội - lịch sử

Xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX đứng trước một văn hội mới, là một xã hội đầy biến động. Bối cảnh văn hoá xã hội, lịch sử trong buổi giao thời mang những đặc trưng rất riêng của xã hội đang chuyển dần từ một quốc gia phong kiến tự chủ, thành một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Sự hiện diện của truyền thống tư tưởng, văn hoá dân tộc, trong đó nổi bật là tinh thần nhân ái, ý thức độc lập, tự cường và tình cảm cổ kết cộng đồng, giữ vai trò quy định trực tiếp mọi quan hệ xã hội. Đồng thời, sự tiếp nhận một cách sáng tạo những tinh hoa văn hoá phương Đông và văn minh phương Tây được xem như một nhân tố cần thiết để phát triển đời sống tư tưởng của dân tộc. Phong trào Duy tân đã chủ trương hoạt động theo mục tiêu *Chấn dân khí - Khai dân trí - Hậu dân sinh*, những mục tiêu mang tính thần dân tộc và phù hợp với xu thế thời đại lúc bấy giờ. Tư tưởng đề cao tự do - bình đẳng - bác ái, tiến bộ xã hội, dân chủ, nhân văn đã ảnh hưởng đến xã hội Việt Nam khá sâu sắc. Trên cái nền của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa yêu nước, các nhà Nho thức thời vừa thừa nhận cái cũ của Nho, Phật, Lão cổ điển, vừa cổ vũ tinh thần dân chủ tư sản, văn minh phương Tây, cũng như đề cao phẩm chất cao quý, khí phách anh hùng của người dân đất Việt. Rất nhiều trí thức Tây học lớn lên từ cái nôi Nho giáo và văn hoá làng quê. Do vậy, dù các tác phẩm được viết theo những tiêu chí, quan điểm mới nhưng vẫn mang đậm tinh thần dân tộc. Các tác giả tiếp thu nhiều quan điểm về cách viết của các nhà văn phương Tây mà trực tiếp là Pháp, nhằm tìm kiếm cách viết mới cho trí thức Việt những năm đầu thế kỷ XX. Truyền thống văn học dân tộc kết hợp với yếu tố hiện đại ngoại sinh trong một môi trường xã hội - văn hoá bản địa đã đưa xã hội Việt Nam dần hội nhập một cách chủ động và tích cực vào quỹ đạo văn hành chung của thế giới.

Bối cảnh xã hội ấy ảnh hưởng trực tiếp đến các tác giả của *Du ký Việt Nam*, họ đã đi đúng theo văn hành chung của xã hội, bởi họ là những trí thức Tây học có gốc nhà Nho. Các tác phẩm của họ tuy còn pha trộn nhiều những yếu

tố hoài cổ nhưng cách viết đã khá gần với những tác phẩm hiện đại ngày nay, suy nghĩ cũng khá gần gũi với con người hiện đại.

Văn minh phương Tây tràn vào Việt Nam không chỉ trên phương diện văn hoá, tư tưởng. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật cũng được áp dụng vào việc mở mang, phát triển giao thông và các phương tiện đi lại. Khi việc đi lại còn khó khăn do giao thông chưa phát triển thì những tác phẩm du ký được chờ đợi để thoả mãn nhu cầu tìm hiểu về văn hoá những vùng đất xa xôi; Chính sự phát triển của giao thông và các phương tiện đã giúp mở rộng địa lý du lịch. Khi khoảng cách không còn là vấn đề thì những tác phẩm du ký là những gợi ý cho những chân trời mới lạ mà du khách muốn tìm đến để khám phá. Xã hội phát triển càng cao con người càng có nhu cầu đi du lịch nhiều hơn và tác phẩm du ký cũng ra đời theo những bước chân du hành.

3. Đề tài của *Du ký Việt Nam*

Chúng tôi chọn lựa nghiên cứu văn học du ký, là những tác phẩm mang đậm dấu ấn của sự chuyển dịch, những tác phẩm có sức thu hút với du khách đến với những miền đất lạ. Tại sao những tác phẩm văn học như du ký lại thu hút mọi người đến với những vùng đất mới? Văn học du ký đã chọn những đề tài nào để khai thác? Giá trị văn hoá và văn học được thể hiện như thế nào trong thể loại này?

Các tác phẩm du ký tự thân chúng đã là những tác phẩm phản ánh rất nhiều những vấn đề về lịch sử, địa lý, phong tục tập quán... Nhu cầu hiểu biết, khám phá, thay đổi môi trường, nhu cầu đi khỏi nơi cư trú để phục vụ những mục đích khác nhau như: tôn giáo, chữa bệnh, nghỉ dưỡng, tìm hiểu văn hoá, lịch sử, phong tục tập quán... chính là cơ sở của những chuyến viễn du và cũng là cơ sở hình thành nên những trang du ký. Thế du ký có lẽ là thể loại văn học mà tự nó đã mang những bản sắc văn hóa vùng miền. Do đặc trưng là những hành trình nhất

Ký, du ký Việt Nam cũng như các tác phẩm du ký khác trên thế giới, tác giả của nó không phải cố gắng sáng tác mà hầu hết mang tính tường thuật. Tác giả du ký luôn phản ánh hiện thực khách quan mà ít phải chịu ảnh hưởng của các thể chế chính trị. Tất nhiên du ký cũng có những ý kiến chủ quan của tác giả nhưng hoàn toàn trên phương diện mô tả văn hóa, phong tục, lối sống nên có tính khách quan cao. Thể giới nghệ thuật trong tác phẩm du ký là chính là cuộc sống hiện thực mà tác giả tai nghe, mắt thấy, trực tiếp cảm nhận và tường thuật lại. Tác giả du ký không phải sáng tạo hay hư cấu như trong các tác phẩm văn học. Văn học trong thể du ký được sử dụng là phương tiện để tác giả truyền cảm hứng về những chuyến đi trên mọi nẻo đường. Du ký ghi lại toàn bộ nhất trình của tác giả-du khách qua các vùng miền, những điều mới lạ được chứng kiến, những nét văn hóa đặc sắc, những chứng tích lịch sử... Chính thể du ký là một cánh cửa rộng mở cho các tác giả nhìn xã hội một cách phóng khoáng, rộng rãi và tương đối tự do. Các tác giả không phải gò bó vào một thể loại văn học nào với những niềm khát khao, họ được tự do bày tỏ ý kiến của mình một cách chân thực nhất về văn hóa, con người, phong tục tập quán... Những quan niệm của các tác giả trong du ký cũng khá rõ ràng, những nét văn hóa họ thể hiện là những bài tường thuật, những thước phim quay ký lưỡng, tỉ mỉ những vùng miền với những nét văn hóa đặc sắc.

Thể du ký khai thác rất nhiều đề tài phong phú như: tôn giáo, lịch sử, các nghi lễ văn hoá, các truyền thuyết, phong tục tập quán, cách ăn mặc, phong cách ẩm thực... Từ thế kỷ XVII, William Dampier (người Anh) trở nên nổi tiếng khắp nước Anh và trên thế giới sau khi cho xuất bản bộ du hành ký vòng quanh thế giới vào năm 1697. William Dampier cũng cho xuất bản cuốn *Một chuyến du hành đến đàng ngoài năm 1688*, viết về chuyến đi của ông đến Đàng Ngoài của Việt Nam. Cuốn sách này ghi chép tỉ mỉ những điều mắt thấy tai nghe của ông về vương quốc

Đàng Ngoài thế kỷ XVII, không chi giai đoạn đó mà cả những sự kiện diễn ra trên vùng đất đó hàng trăm năm trước. W.Dampier không dùng ở việc mô tả, ông còn so sánh các vấn đề của Đàng Ngoài với các vùng khác nhau như: thời tiết, lối canh tác nông nghiệp, thậm chí ông còn nhắc đến cả tục ăn thè bằng rượu pha tiết gà... Ông cẩn trọng khẳng định tính chính xác và nguồn gốc rõ ràng của các thông tin trích dẫn. Những ghi chép của ông được khẳng định là “đáng tin cậy và là một trong số những nguồn sử liệu quý trong nghiên cứu về lịch sử Việt Nam cuối thời kỳ trung đại” [2]. Nội dung và giá trị của tác phẩm du ký này là vô giá về nhiều phương diện bởi sự ghi chép tỉ mỉ rất nhiều dữ kiện, nhiều tư liệu văn hoá, lịch sử cuối thời trung đại, khi mà sách vở ghi lại những vấn đề này ở Việt Nam không có nhiều.

Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác đã viết trong *Thương Kinh ký sự*, là bút ký ghi lại những ngày về kinh thành chữa bệnh cho Thái tử Trịnh Cán, những ghi chép của ông về chặng đường từ nhà đến kinh thành, việc thăm thú một số nơi trong chuyến đi, hỏi tường lại khi xưa thăm thú Hồ Tây cùng bạn bè, cùng nhau bơi thuyền ra giữa hồ uống rượu, ngâm thơ vịnh cảnh, viếng chùa Trấn Quốc, thăm làng Bát Tràng... Ông mô tả những thú vui tao nhã như “tựa lưng vào cảnh cỏ thụ bên bàn thạch” để ngâm thơ, thưởng trà, để nhìn lên cao, trông ra xa mà cảm nhận cái thú vị man mác của thiên nhiên. Qua lời kể về cuộc du ngoạn Hồ Tây diễn ra trong 3 ngày, chúng ta có thể thấy nhịp sống chậm rãi của xã hội xưa so với tốc độ khẩn trương của xã hội hiện đại. Ông mô tả khá kỹ những phép ứng xử thông thường, lối sống của những người dân ở kinh thành, so sánh với lối sống ở một số vùng quê. Ông cũng nhắc đến nhiều địa danh của Hà Nội và các vùng ông đã đi qua như: Thịnh Liệt, Nhân Mục, Hoàng Mai, cầu Triều (tức Ô Cầu Dền)...; một số địa danh nay đã không còn và những cảnh vật được mô tả trong ký sự cũng đã thay đổi rất nhiều.

Phạm Đình Hổ trong *Vũ Trung tùy bút* đã có những áng văn rất hay, rất trữ tình ghi chép

lại những cuộc du lãm phong cảnh non nước Việt Nam như: *cảnh chùa Sơn Tây, cảnh đền Đế Thích...*; những khảo cứu về duyên cách địa lý: sự thay đổi tên đất như xứ Hải Dương, tên huyện Đường An, tên làng Châu Khê,...; những khảo cứu về phong tục tập quán văn hóa trong xã hội Việt Nam như: cách chơi hoa phong lan, cách thưởng trà, cách ăn mặc...; những khảo cứu về lễ nghi: lễ tang gia, lễ tế gia, lễ nhà miếu, lễ sách phong... Trong *Tang thương ngất lục*, Phạm Đình Hồ và Nguyễn Ân cũng có những bài thơ tả phong cảnh như: núi Dục Thúy, núi Phật Tích, bia núi Thành Nam, Tháp chùa Báo Thiên...; tả những lễ hội như cuộc thi Hội đờn Lê, lễ triều hạ đờn Lê Cảnh Hưng, tết Trung thu trong phủ Chúa Trịnh... Trong một số tác phẩm du ký thời kỳ này vẫn xuất hiện nhiều những bài ngâm vịnh, tức cảnh theo thể thơ cổ như trong *Vũ Trung tùy bút, Tang thương ngất lục* hay *Châu Phong khảo tập* của Phạm Đình Hồ.

Sang đầu thế kỷ XX, học giả Phạm Quỳnh đã khơi xướng và cổ xúy cho phong trào dịch chuyển, khám phá các vùng đất, ghi chép lại những nét văn hoá đặc sắc và phổ biến cho quần chúng những kiến thức ấy nhằm mở mang dân trí. Ông đã tổ chức hẳn một mục du ký trong tạp chí Nam Phong do ông làm chủ bút. 62 tác phẩm du ký đăng liên tục trong suốt 17 năm tồn tại của tạp chí Nam Phong, Phạm Quỳnh cùng các tác giả du ký đã lưu giữ cho kho tàng văn hoá Việt Nam nhiều chi tiết văn hoá vùng miền, nhiều vấn đề về lịch sử, địa lý, thời tiết, nhiều phong tục tập quán đặc sắc vốn đã bị mai một qua thời gian. Ngày nay, dựa vào những tác phẩm này, chúng ta có thể khôi phục lại một số di sản văn hoá vật thể và phi vật thể như: Lễ tế Đàn Nam Giao ở Huế (*Mười ngày ở Huế* của Phạm Quỳnh), những cảnh vật ở đất kinh kỳ, những phong tục chốn thần kinh (*Lại tới thần kinh* của Nguyễn Tiến Lãng), những cảnh đẹp ở đất Hà Tiên (*Cảnh vật Hà Tiên* của Đông Hồ và Nguyễn Văn Kiêm), cách bài trí ở đền Lý Bát đế (*Một buổi đi xem đền Lý Bát đế* của Phạm Văn Thư)... Trong hầu hết các tác phẩm, chúng ta đều có thể tìm thấy những đặc

trung văn hoá vùng mà tác giả đi qua, đến, xem, cảm nhận và ghi chép lại. Đi suốt hành trình 62 tác phẩm, chúng ta được đi qua tất cả những phong cảnh hùng vĩ nhất, đẹp đẽ nhất của đất nước: từ Bắc chí Nam, từ Cao Bằng, Lạng Sơn đến đảo Phú Quốc, từ núi Tiên Du, Ngũ Hành Sơn đến cảnh Hà Tiên, từ Cổ Loa, Hà Long đến đất Huế thần kinh (kinh đô thần thánh)... Các tác giả trực tiếp đi và ghi chép lại đã truyền cho các độc giả tình yêu nước và niềm tự hào dân tộc, những nhận thức qua các địa danh “cảm tử” của quê hương như: *Cảnh vật Hà Tiên* của Đông Hồ và Nguyễn Văn Kiêm với rất nhiều cảnh đẹp, “có bãi dài biển rộng, hồ trong núi biếc, mỗi cảnh đều có vẻ đẹp thiên nhiên của tạo hoá... Cảnh bãi biển thì kiêu cả màu trời sắc nước, bãi cát mềm mòng, gió nam mát mẻ. Cảnh núi như Thạch Động có các kỳ quan quái thạch, núi Bình San, núi Tô thì có cỏ đẹp hoa thơm...”, qua những tác phẩm đặc sắc mang đậm nét văn hoá cổ truyền như *Mười ngày ở Huế* của Phạm Quỳnh với những chi tiết mô tả kỹ lưỡng lễ tế Đàn Nam Giao trang nghiêm, cổ kính và đầy tính thần văn hoá dân tộc; qua các di tích lịch sử như: Cổ Loa, đền Lý Bát Đế, hồ Hoàn Kiếm, Hoa Lư, lăng điện xứ Huế, núi Bà Nà, Ngũ Hành Sơn, Sài Gòn, Tây Đô, Phú Quốc, Thạch Động, Hà Tiên... Tác phẩm này không những cho chúng ta một chuyến đi kỳ thú mà còn làm một cuộc khảo nghiệm để “tinh thần được cảm cái hồn xưa của loài giống, thần thể gọi cái khí thiêng của núi sông”. Độc giả có thể cùng ông đắm mình vào không khí cổ kính, thiêng liêng của lễ tế Đàn Nam Giao, khi đó con người như thoát ra khỏi đời sống trần tục mà đi vào một thế giới tâm linh đầy huyền bí. Ông viết: “Phàm cái hình thức gì nó biểu được cái hồn xưa của Tổ quốc, dù phiền phức đến đâu cũng không nên bỏ”. Ông luôn muốn bảo tồn những giá trị của văn hoá dân tộc, những nét văn hoá mà ông coi là “quốc hồn, quốc túy”. Ta có thể thấy Phạm Quỳnh say sưa ca ngợi hồn thiêng sông núi, niềm tự hào dân tộc được toát lên từ từng câu chữ trong *Mười ngày ở Huế, Một tháng ở Nam Kỳ, Chơi Lạng Sơn,*

Caio Bông; thì cũng có thể thấy ông nhiệt liệt ca ngợi nền văn minh, con người, phong cảnh... của Pari qua *Thuật chuyên du lịch ở Paris, Pháp du hành trình nhất kỷ*. Dưới góc nhìn của một nhà văn hoá, Phạm Quỳnh đã muốn học lấy cái tốt đẹp của người đem về đóng góp cho tổ quốc. Ông cũng phân tích rất nhiều nét văn hoá tôn giáo, việc lễ bái, cái nhìn khoa học và đầy cảm thông của ông với những người dân lam lũ. Việc giải thích tín ngưỡng dân gian trong *Truyện chùa Hương*, Thượng Chi đã có cái nhìn đầy lòng nhân ái. Ông buồn vì sự lạc hậu của dân mình từ việc chen nhau cúng bái, cầu xin, đốt vàng mã... nhưng rồi ông lại tự giải thích: “người ta có cực mới phải cầu, cầu mà đỡ cực thì chẳng phải là một sự hay ru?”. Nhân quan văn hoá sắc sảo của ông nhìn thấy những khoảng sáng và khoảng tối trong đời sống tâm linh của những người bình thường. Con người sông phải có một điểm tựa về tinh thần, phải có một niềm tin để sống; có niềm tin họ mới có thể vượt qua biết bao khó khăn hiện hữu từng giờ từng phút, có thể vươn lên từ đời nghèo, đau khổ. Các tác giả chứng kiến tận mắt thực trạng đời sống văn hóa của dân tộc, thấy được trách nhiệm của mình trước vận mệnh nước nhà. Họ đã tự nhủ về mình trách nhiệm với văn hoá dân tộc, cố gắng nâng cao dân trí bằng việc khuyến khích sự mở mang hiểu biết, phổ biến những kiến thức văn minh qua từng trang viết. Những chuyến du ngoạn ra nước ngoài đã mở ra những phương trời mới lạ, mở ra cái nhìn rộng rãi, khoáng đạt hơn và tác giả không thể không so sánh mọi phương diện của quốc gia mình với nước người, không thể không thấy những yếu kém của mình, không thể không muốn học tập cái văn minh của họ đem về nước mình. Nhà nghiên cứu Vương Trí Nhàn đã viết trong nghiên cứu của mình: “lịch sử mọi nền văn hóa không chỉ là sự phát triển tự thân của nó mà còn là lịch sử của mối quan hệ giữa nó với các nền văn hóa khác” [3]. Việc di chuyển từ nơi này sang nơi khác là những chiếc cầu của sự giao lưu văn hoá: xưa là những con đường giao thương buôn bán, là những hành trình tôn

giáo..., còn nay là đi du lịch chữa bệnh, nghỉ dưỡng, thăm quan, tìm hiểu văn hoá... Trong các tác phẩm của mình, Phạm Quỳnh đã có một cái nhìn hết sức trách nhiệm với dân tộc và ông truyền nhiệt huyết đó cho tầng lớp trí thức trẻ. Việc viết văn, ghi chép mọi hành trình, tả thực những cảnh đẹp, kể chuyện nếp tốt, người hay, hảo húng với những văn minh, tiến bộ, nhìn nhận những khiếm khuyết, thiếu hụt, những lạc hậu, dốt nát... qua những tác phẩm du kí cũng không ngoài mục đích mở mang dân trí, bảo tồn văn hoá dân tộc.

Các đề tài được khai thác ở mục du ký trong tạp chí *Nam Phong* đã đáp ứng nhu cầu hiểu biết, giao lưu văn hoá ngày càng mở rộng từ Bắc vào Nam, từ nơi đồng bằng đến miền núi, từ vùng sâu vùng xa tới thị thành, từ trong nước cho tới nước ngoài của nhiều tầng lớp nhân dân. Sự phát triển của các phương tiện giao thông đã đưa người viết đi xa hơn, nhanh hơn, đem lại cho họ những cảm xúc mới lạ, hấp dẫn hơn, và tất nhiên, họ ghi chép được nhiều điều thú vị hơn. Khi tầm mắt được mở rộng, khả năng nhận thức và hiểu biết có chiều sâu hơn, tâm thức sáng tạo được kích thích mạnh mẽ hơn, tác giả có thể đưa đến cho độc giả sự đồng cảm qua các du ký như: *Lược ký đi đường bộ từ Hà Nội vào Sài Gòn* của Mậu Sơn Mục N.X.H, *Sự du lịch đái Hải Ninh* của Trần Trọng Kim, *Đi tàu bay của Phan Tất Tào*, *Nam du đến Ngũ Hành Sơn* của Nguyễn Trọng Thuật, *Thăm đảo Phú Quốc* của Mộng Tuyết, *Hạn mạn du ký* của Nguyễn Bá Trắc, *Thuật chuyên du lịch ở Paris* của Phạm Quỳnh...

Có thể khẳng định du ký là nơi lưu giữ một phần của hệ thống văn hoá dân tộc. Với thời gian, những tư liệu mang tính văn hoá và lịch sử này chắc chắn sẽ ngày càng trở nên quý giá hơn. Giá trị văn học của chúng cũng được thể hiện khá rõ qua bút pháp của các “nhà văn viết báo”. Kiến thức uyên thâm về tân học cũng như cự học là yếu tố cần, việc đi lại là yếu tố đủ để làm nên những tác phẩm du ký mang đậm tính văn học trong văn chương Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Như vậy, chúng ta có thể hoàn toàn khẳng định được những bộn bề văn hoá dân tộc được ghi chép đầy ắp trong những trang du ký. Nghiên cứu, phân tích du ký trong *Nam Phong tạp chí*, rồi mở rộng liên hệ với các tác phẩm du ký trong và ngoài nước khác, chúng ta có thể khái quát phần nào bức tranh văn hoá Việt Nam đầu thế kỷ XX: những đặc sắc cần lưu giữ, phát triển và những lạc hậu, chậm tiến cần loại bỏ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nhiều tác giả, *Du ký Việt Nam*, tập 1, Nguyễn Hữu Sơn sưu tầm và giới thiệu, NXB Trẻ, 2007, tr. 84.
- [2] William Dampier, *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài*, NXB Thế giới, 2007, tr.16.
- [3] Vương Trí Nhàn, Vai trò của trí thức trong quá trình tiếp nhận văn hóa phương Tây ở Việt Nam đầu thế kỉ XX, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học* 7 (2005) 56.

Cultural and literature values of the travel story (Study through *Du ký Việt Nam*)

Nguyen Thuy Hang

*College of Social Sciences and Humanities, VNU
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

The travel story is one kind of literature that brings readers the inspiration about the flavor to discover new lands, feelings of the new journeys, images of the of the special voyages, etc. At the beginning of the 20th century, there were series of travel stories clarified as a separate section, *travel story or travel note - du ký*, which were included 62 writings regularly having been printed in 210 editions of newspaper for 17 existing years of the *Nam phong tạp chí*. This collection is a plentifully artistic world having the quite bold Vietnamese character.

In this work, we study all travel stories in *Du ký Việt Nam* collection in three aspects: *authors, social cultural and historical contexts - and themes* to find out the cultural and literature values of this kind of letters. 36 authors in *Du ký Việt Nam*, most of whom were Confucian scholars as well as western intelligentsia, did learn the western civilization so they had new knowledge, new writing styles, new points of view compared to actuality of the society at that time and being closely similar to the current points of view. In the changing social context, there are a lot of new currents of ideas overflowing into Vietnam; Development of transportation help to extend travel geographical areas, make the opportunities to easily travel, create the topics for the travel stories in many other aspects such as history, religion, cultural ceremonial, legends, manners and customs, art of eating and drinking, etc.

Not some but most of the work in *Du ký Việt Nam* are written to express the love to the fatherland. Though criticizing or praising ways of writing, all the contents direct toward desires to build the prosperous Vietnam. Being eager for preserving national cultural heritages, wish for building the rich and beautiful Vietnamese language through literature work, authors did form the cultural and literature values of the travel stories.